

Số: 11/2026/QĐCNHGT-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành của ông Phạm Tiến H và bà Trần Thị T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn đề ngày 25 tháng 01 năm 2026 của ông Phạm Tiến H.
- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Ông Phạm Tiến H, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn Tân Bắc, xã H, tỉnh Tuyên Quang.

Người bị kiện: Bà Trần Thị T, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn Tân Bắc, xã H, tỉnh Tuyên Quang.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2026 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Đơn đề nghị ra quyết định công nhận hoà giải đối thoại của ông H và bà Thu.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 27 tháng 02 năm 2026, cụ thể như sau:

Bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Tiến H số tiền 1.500.000.000đ (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*), là số tiền ông H được hưởng theo thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng thể hiện tại Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung lập ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa ông Phạm Tiến H và bà Trần Thị T. Ngày 13 tháng 11 năm 2025 bà Trần Thị T đã trả cho ông Phạm Tiến H số tiền 1.350.000.000đ (*Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*). Bà Trần Thị T còn phải trả cho ông Phạm Tiến H **150.000.000đ** (*Một trăm*

năm mươi triệu đồng); thời hạn thanh toán: Ngày 10 tháng 6 năm 2026; phương thức thanh toán: Thanh toán một lần.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND KV2-Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền